|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH AN GIANG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**Số: 44/HD-SKHCN | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***An Giang, ngày 10 tháng 01năm 2020* |

**HƯỚNG DẪN**

**Về việc thực hiện một số nội dung Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động
chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang**

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang và Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng,
đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định định mức chi đối với đề tài, dự án KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt tạm thời định mức kinh tế kỹ thuật trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh An Giang,

Để thuận lợi cho việc thực hiện Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành tại Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung như sau:

**I. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN**

**1. Quy trình thực hiện:**

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu hỗ trợ thực hiện các dự án về ứng dụng, đổi mới công nghệ; nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả; sản xuất thử nghiệm; chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích; tập huấn kỹ thuật nộp hồ sơ đề nghị về Sở Khoa học và Công nghệ để được xem xét hỗ trợ.

Dự án được xem xét hỗ trợ phải thuộc các lĩnh vực sau:

- Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Công nghệ sản xuất sạch hơn và bảo vệ môi trường;

- Công nghệ thông tin và truyền thông;

- Sản xuất máy móc, thiết bị, vật liệu mới và một số lĩnh vực khác;

- Hoạt động nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

(Chi tiết đính kèm tại phụ lục 1).

b) Văn phòng Sở tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ, trình Lãnh đạo Sở xem xét và có ý kiến.

c) Phòng Quản lý Chuyên ngành chịu trách nhiệm xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ (đã có ý kiến phân công của lãnh đạo Sở), trình lãnh đạo Sở quyết định đối với các vấn đề như: sự phù hợp của hồ sơ đề nghị đối với chủ trương hỗ trợ; thành lập Hội đồng KH&CN thẩm định, Tổ thẩm định kinh phí (nếu có), Hội đồng KH&CN nghiệm thu và tham mưu văn bản có liên quan để trình phê duyệt hỗ trợ và nghiệm thu dự án. Phòng Quản lý Chuyên ngành có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ 03 tháng/lần hoặc đột xuất đối với các dự án đã được phê duyệt hỗ trợ; đồng thời, báo cáo lãnh đạo Sở xử lý các vấn đề phát sinh.

d) Phòng Kế hoạch - Tài chính chịu trách nhiệm tham mưu cho lãnh đạo Sở về cấp và quyết toán kinh phí hỗ trợ.

**2. Hội đồng KH&CN thẩm định, Tổ thẩm định kinh phí và Hội đồng KH&CN nghiệm thu:**

Hội đồng KH&CN thẩm định, Tổ thẩm định kinh phí và Hội đồng KH&CN nghiệm thu (gọi tắt là Hội đồng) được thành lập theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh ban hành Quy định về việc quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang, có nhiệm vụ tư vấn giúp UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác thẩm định nội dung, thẩm định kinh phí và đánh giá nghiệm thu các dự án. Hội đồng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về những ý kiến tư vấn và kiến nghị của mình.

2.1. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng KH&CN thẩm định:

Xem xét, phân tích để có ý kiến tư vấn thẩm định, đánh giá về: Sự cần thiết thực hiện dự án đề nghị hỗ trợ; tính mới, tính tiên tiến của dự án đề nghị hỗ trợ; tính hợp lý về nội dung, phương pháp và kinh phí đề nghị hỗ trợ; tính khả thi của kết quả dự kiến.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ thẩm định kinh phí:

Trong trường hợp Hội đồng KH&CN thẩm định chưa kết luận cụ thể về mức kinh phí thực hiện đối với dự án đề nghị hỗ trợ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ sẽ chịu trách nhiệm thành lập Tổ thẩm định kinh phí để tư vấn, thẩm định tính hợp lý của dự toán kinh phí thực hiện và đề xuất mức hỗ trợ cụ thể.

2.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nghiệm thu:

Xem xét, phân tích để có các ý kiến tư vấn, đánh giá kết quả thực hiện, mức độ giải quyết được các yêu cầu nội dung đã đặt ra trên cơ sở đối chiếu với thuyết minh chi tiết đã được xét duyệt.

2.4. Thành phần của Hội đồng:

a) Hội đồng phải có 09 đến 11 thành viên bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên phản biện (nếu có), Thư ký khoa học, 02 Thư ký hành chính giúp việc và các Ủy viên Hội đồng. Số lượng thành viên Hội đồng và Ủy viên phản biện do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định tùy theo tính chất, mức độ phức tạp của dự án.

b) Chủ tịch Hội đồng sẽ điều hành phiên họp, trường hợp vắng thì Phó Chủ tịch sẽ thay thế. Thư ký hành chính không được bỏ phiếu trong phiên họp, chỉ giúp Hội đồng về các thủ tục hành chính.

c) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng. Thành viên được ủy quyền dự thay phải có giấy ủy quyền của thành viên vắng mặt, có chuyên môn phù hợp với dự án xem xét và được sự đồng ý của người điều hành phiên họp. Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo.

d) Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ sẽ mời thêm chuyên gia không phải thành viên Hội đồng liên quan đến lĩnh vực của dự án để đóng góp ý kiến nhận xét.

2.5. Tài liệu làm việc và ý kiến của Hội đồng:

Tài liệu làm việc của Hội đồng phải được gửi đến các thành viên Hội đồng ít nhất 05 ngày trước khi phiên họp được tiến hành.

Việc tư vấn, đánh giá của Hội đồng được thực hiện trên nguyên tắc biểu quyết bằng cách bỏ phiếu (theo mẫu đính kèm trong Hướng dẫn này) để cho ý kiến nhận xét, đánh giá và tư vấn, kiến nghị.

2.6. Nội dung làm việc của Hội đồng:

a) Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ thông tin các nội dung có liên quan như: Chương trình làm việc, Quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng, các đại biểu tham dự, các vấn đề có liên quan khác và giới thiệu Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp.

b) Đại diện tổ chức chủ trì trình bày Thuyết minh dự án đề nghị hỗ trợ (đối với Hội đồng thẩm định) hoặc Báo cáo và trình diễn kết quả thực hiện dự án (đối với Hội đồng nghiệm thu).

c) Trên cơ sở ý kiến nhận xét, kiến nghị của đại diện Phòng chuyên môn, các thành viên Hội đồng tiến hành thảo luận, đề nghị tổ chức, cá nhân thực hiện giảp đáp các vấn đề chưa rõ, cũng như những vấn đề cần chỉnh sửa, bổ sung.

d) Các thành viên Hội đồng tiến hành bỏ phiếu để cho ý kiến nhận xét, đánh giá (theo mẫu đính kèm theo Quy định này) sau khi tổ chức chủ trì dự án giải trình theo yêu cầu của Hội đồng.

e) Hội đồng thông qua Biên bản kết quả làm việc; đồng thời, kết luận thống nhất hay không thống nhất đề xuất hỗ trợ hoặc nghiệm thu kết quả thực hiện dự án và kiến nghị việc bổ sung, chỉnh sửa những nội dung chưa đạt yêu cầu.

**3. Yêu cầu đánh giá, nhận xét, cho điểm, xếp loại của hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ:**

3.1. Việc đánh giá, nhận xét, cho điểm, xếp loại nhiệm vụ thông qua phiếu đánh giá theo mẫu quy định, có dấu treo của cơ quan quản lý.

3.2. Các thành viên hội đồng đánh giá một cách độc lập, không trao đổi về kết quả đánh giá, nhận xét, cho điểm, xếp loại của mình.

3.3. Phiếu hợp lệ là phiếu đánh giá, nhận xét, cho điểm, xếp loại đúng quy định cho từng nội dung.

3.4. Phiếu không hợp lệ là phiếu do thành viên bỏ trống hoặc đánh giá, nhận xét, cho điểm, xếp loại không theo quy định.

3.5. Kết quả đánh giá, nhận xét, cho điểm, xếp loại chung của nhiệm vụ dựa trên kết quả của từng thành viên.

**4. Tiêu chí đánh giá thuyết minh thực hiện dự án:**

Đánh giá thuyết minh thực hiện dự án được đánh giá, chấm điểm tối đa 100 điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm sau:

4.1. Đánh giá chung:

a) Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án (điểm tối đa 4);

b) Sản phẩm của dự án có khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh (điểm tối đa 4);

4.2. Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai:

a) Mục tiêu hoàn thiện công nghệ của dự án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng của nhà nước (điểm tối đa 4);

b) Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ xuất xứ (điểm tối đa 4);

c) Mức độ làm rõ cho giải pháp hoàn thiện công nghệ (điểm tối đa 8);

d) Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai (điểm tối đa 8);

4.3. Giá trị của công nghệ:

a) Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước (điểm tối đa 4);

b) Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án (điểm tối đa 8);

c) Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ sở hữu trí tuệ (điểm tối đa 4);

4.4. Lợi ích của dự án:

a) Làm rõ lợi ích của dự án đối với đơn vị chủ trì hoặc đơn vị hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện công nghệ (điểm tối đa 4);

b) Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án (điểm tối đa 4);

c) Lợi ích của khách hàng khi sử dụng sản phẩm dự án (điểm tối đa 4);

d) Định lượng được những lợi ích khi triển khai dự án (điểm tối đa 4);

4.5. Phương án tài chính:

a) Phương án huy động vốn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ để thực hiện (điểm tối đa 12);

b) Sự phù hợp của tổng dự toán (điểm tối đa 8);

4.6. Năng lực thực hiện:

a) Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia (điểm tối đa 8);

b) Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính (điểm tối đa 8);

**5. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm của dự án:**

Đánh giá kết quả thực hiện dự án được đánh giá, chấm điểm tối đa 100 điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm sau:

5.1. Mức độ hoàn thành khối lượng, kết quả thực hiện của dự án (so với thuyết minh ban đầu được duyệt và hợp đồng thực hiện) (điểm tối đa 40)

a) Tính đầy đủ về số lượng, chủng loại, khối lượng của các sản phẩm (điểm tối đa 20);

b) Về các phương pháp thực hiện, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát... (điểm tối đa 10);

c) Đánh giá mức độ hoàn chỉnh báo cáo khoa học, báo cáo tóm tắt, bản vẽ thiết kế, tư liệu công nghệ... (điểm tối đa 10);

5.2. Giá trị khoa học (tính mới, sáng tạo…): (điểm tối đa 10)

5.3. Giá trị ứng dụng vào thực tế quản lý, sản xuất và đời sống: (điểm tối đa 40)

a) Quy mô áp dụng kết quả dự án đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và triển vọng áp dụng (điểm tối đa 20);

b) Đánh giá về hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường (điểm tối đa 20);

5.4. Đánh giá về tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp, thời gian thực hiện, chi tiêu tài chính…: (điểm tối đa 10).

**6. Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện dự án; Điều chỉnh nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện khi có phát sinh:**

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, thủ trưởng các đơn vị có liên quan theo thẩm quyền phải tiến hành kiểm tra định kỳ và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nội dung, tiến độ thực hiện và việc sử dụng kinh phí căn cứ vào thuyết minh dự án đã được phê duyệt:

6.1. Trong trường hợp cần thiết, căn cứ vào phân cấp phê duyệt Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh các nội dung: Mục tiêu, sản phẩm, tiến độ thực hiện, kinh phí thực hiện hoặc thay đổi thời gian thực hiện cho phù hợp; hoặc chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo thẩm quyền đã được phân cấp.

Nội dung và kinh phí điều chỉnh dự án có liên quan đến nguồn vốn hỗ trợ từ Quy định phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý theo thẩm quyền trước khi quyết định điều chỉnh.

6.2. Riêng đối với việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ.

**7. Hướng dẫn về các biểu mẫu:** (các biểu mẫu đính kèm phụ lục 02 của Hướng dẫn này)

Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu hỗ trợ thực hiện các dự án về ứng dụng, đổi mới công nghệ; nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả; sản xuất thử nghiệm; chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích; tập huấn kỹ thuật đề nghị nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ để được xem xét hỗ trợ.

7.1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ bao gồm:

 a) Đơn đề nghị hỗ trợ thực hiện dự án theo mẫu 01-ĐĐN.

 b) Thuyết minh dự án về ứng dụng, đổi mới công nghệ theo mẫu 02-TMUDĐMCN.

 c) Thuyết minh dự án về nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả; sản xuất thử nghiệm; chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích; tập huấn kỹ thuật theo mẫu 03-TMSXTN-NRMH.

 d) Thuyết minh dự án chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích; tập huấn kỹ thuật theo mẫu 04-TMCGKT-THKT.

 đ) Phụ lục dự án cần có các thành phần hồ sơ kèm theo thuyết minh đăng ký hỗ trợ dự án, cụ thể như sau:

- Bản sao Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp của tổ chức đăng ký chủ trì dự án hoặc phối hợp chính trong dự án;

- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính trong dự án có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự theo Mẫu 05-LLCN ban hành kèm theo Quy định này;

- Sơ yếu lý lịch khoa học của chuyên gia nước ngoài kèm theo giấy xác nhận về mức lương chuyên gia (trường hợp thuê chuyên gia nước ngoài);

- Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện dự án (nếu có) theo Mẫu 06-PHTH ban hành kèm theo Quy định này;

- Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học và công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện (trường hợp có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác);

- Đối với dự án theo quy định pháp luật phải có vốn đối ứng: Văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước đạt ít nhất 70% tổng kinh phí đầu tư (báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 02 - 03 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng; cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia dự án);

- Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm để thực hiện dự án (03 bảng báo giá);

- Văn bản xác nhận ứng dụng kết quả dự án dự kiến của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh đối với dự án chuyển giao công nghệ hoặc dự án nhân rộng (nếu có).

- Bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất từ 05 năm trở lên tại địa điểm thực hiện mô hình của dự án.

7.2. Các tổ chức, cá nhân được phê duyệt hỗ trợ có trách nhiệm:

a) Báo cáo tiến độ thực hiện (định kỳ hoặc đột xuất) theo mẫu 07-BCTĐ.

b) Báo cáo kết quả dự án về ứng dụng, đổi mới công nghệ theo mẫu 08-BCKQUDĐMCN.

c) Báo cáo kết quả dự án về nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả; sản xuất thử nghiệm; chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích; tập huấn kỹ thuật theo mẫu 09-BCKQSXTN-NRMH.

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 05 năm liên tiếp theo quy định về tình hình phát triển của mô hình, hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án,...sau khi dự án được nghiệm thu.

7.3. Các biểu mẫu liên quan đến Hội đồng:

a) Hội đồng KH&CN thẩm định: Phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định dự án theo mẫu 10-NXHĐ và Phiếu đánh giá ý kiến, chấm điểm của các thành viên Hội đồng thẩm định theo mẫu 11-PĐGHĐ. Biên bản kiểm phiếu đánh giá theo mẫu 12-KPĐG và tổng hợp phiếu đánh giá theo mẫu 13-THKPĐG.

b) Tổ thẩm định kinh phí: Phiếu tổng hợp ý kiến nhận xét của các thành viên Tổ thẩm định kinh phí theo mẫu 14-THNXTĐKP.

c) Hội đồng KH&CN nghiệm thu: Phiếu nhận xét của các thành viên hội đồng nghiệm thu theo mẫu 15-NXHĐNT và Phiếu đánh giá kết quả dự án của các thành viên Hội đồng nghiệm thu theo mẫu 16-PĐGKQDA. Phiếu chấm điểm của các thành viên Hội đồng nghiệm thu theo mẫu 17-PCĐKQDA và biên bản kiểm phiếu đánh giá kết quả dự án theo mẫu 18-BBKPKQDA.

7.4. Biên bản kiểm tra, giám sát tiến độ dự án theo mẫu 19-BBKTTĐ.

7.5. Biểu mẫu báo cáo sau khi dự án kết thúc: Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 05 năm liên tiếp theo quy định, phiếu cung cấp thông tin ứng dụng kết quả theo mẫu 20-CCTTUDKQDA.

**8. Mã số quản lý dự án của Quy định:**

- Mã số Dự án của Quy định: DA;

- Mã số dự án Đổi mới công nghệ: DA.XX.ĐMCN/YY/ZZ;

- Mã số dự án Sản xuất thử nghiệm: DA.XX.SXTN/YY/ZZ;

- Mã số dự án Tập huấn kỹ thuật: DA.XX.THKT/YY/ZZ;

- Mã số dự án Chuyển giao công nghệ: DA.XX.CGCN/YY/ZZ;

- Mã số dự án Nhân rộng mô hình: DA.XX.NRMH/YY/ZZ;

- Mã số dự án tăng cường nguồn lực cho đổi mới công nghệ vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: DA.XX.NT/YY/ZZ;

Trong đó:

 XX là số thứ tự dự án của Quy định;

 ZZ là ký hiệu đối với dự án:

 - DN: là dự án hỗ trợ cho hộ sản xuất kinh doanh, cơ sở, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp KH&CN.

 - NN: là dự án hỗ trợ cho các tổ chức có vốn của nhà nước.

 - NT là ký hiệu dự án tăng cường nguồn lực cho đổi mới công nghệ vùng nông thôn, miền núi,địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

 - ĐMCN là ký hiệu dự án Đổi mới công nghệ;

 - SXTN là ký hiệu dự án Sản xuất thử nghiệm;

 - THKT là ký hiệu dự án Tập huấn kỹ thuật;

 - CGCN là ký hiệu dự án Chuyển giao công nghệ;

 - NRMH là ký hiệu dự án Nhân rộng mô hình;

 - YY là số biểu thị năm bắt đầu thực hiện dự án của Quy định.

Mỗi dự án có thể bao gồm nhiều nội dung (ứng dụng, đổi mới nâng cao trình độ công nghệ; sản xuất thử nghiệm; tập huấn kỹ thuật, nhân rộng mô hình và chuyển giao công nghệ): nên ký hiệu dự án có thể kết hợp ĐMCN-SXTN; CGCN-SXTN; THKT-NRMH; CGCN-THKT-SXTN;…

**II. NỘI DUNG VÀ ĐỊNH MỨC CHI HỖ TRỢ**

Nội dung và định mức chi hỗ trợ dự án được thiện theo Quyết định 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh và các quy định hiện hành liên quan trên cơ sở đề nghị của Hội đồng KH&CN thẩm định hoặc Tổ thẩm định kinh phí, ngoài ra mức chi khác:

**1. Định mức chi làm căn cứ xây dựng dự toán dự án:**

 Áp dụng định mức chi theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về quy định định mức chi đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang và Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt tạm thời định mức kinh tế kỹ thuật trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh An Giang hoặc các văn bản hiện hành có liên quan.

1.1. Mức chi mua, tiếp nhận công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích và đào tạo, tập huấn kỹ thuật:

Dự toán mua, tiếp nhận công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích trên cơ sở báo giá hợp lý, đúng quy định pháp luật của tổ chức, cá nhân có nguồn cung.

Dự toán chi cho hoạt động đào tạo, tập huấn kỹ thuật thực hiện theo Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang và Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 về Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh An Giang và các quy định hiện hành liên quan. Đối với các lớp tập huấn kỹ thuật có tổ chức thực hành, chi phí thực hành tính theo thực tế (nếu không có định mức quy định).

1.2. Mức chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu,quản lý dự án, hội thảo tổng kết:

Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu, quản lý dự án, hội thảo tổng kết thực hiện theo Nghị Quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 Quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh An Giang.

\**Ghi chú*:Thành viên Hội đồng, chuyên gia (nếu có) được Sở Khoa học và Công nghệ mời là người ngoài tỉnh An Giang sẽ được thanh toán tiền xe, công tác phí theo thực tế.

**2. Kiểm tra, giám sát:**

Mức chi cho các hoạt động kiểm tra, xác định hiện trạng; kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện và đánh giá nghiệm thu được thực hiện theo chế độ công tác phí hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Sở, Ban ngành, Hội, Đoàn thể cấp tỉnh;- UBND huyện, thị, thành phố;- Phòng KT/KT-HT huyện, thị, thành phố;- BGĐ Sở; - Cổng thông tin Sở KH&CN;- Phòng, đơn vị trực thuộc;- Lưu: VT, QLCN. | **KT. GIÁM ĐỐC****PHÓ GIÁM ĐỐC****(đã ký)****Hoàng Thị Thanh Thủy** |